

Bản án số: 81/2021/KDTM-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4709/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6131/2021/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng K

Địa chỉ: Số X Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Xuân N, trú tại: số X đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020).

Bà Ngân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ: Số X đường Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Vũ Trường G, trú tại: Số X đường 77, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn (Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần X).

Bị đơn vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Văn K, sinh năm 1963

- Bà Đào Thị Hồng T, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Số X đường số 1, Tổ 7, cư xá Điện lực, Khu phố 6, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông K, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2012, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng K- Có bà Nguyễn Ngọc Xuân N- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 23/11/2010, Ngân hàng K (Gọi tắt là T) và Chi nhánh Công ty Cổ phần X tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ	Mục đích vay	Ngày nhận nợ	Lãi suất	Ngày đến hạn	Thời hạn vay	Số tiền vay (đồng)
81465	Bổ sung vốn mua bất động sản làm văn phòng	30/11/2010	Linh hoạt	29/4/2013	29 tháng	2.900.000.000
Tổng số tiền giải ngân		2.900.000.000 đồng				

Khoản vay của Chi nhánh Công ty Cổ phần X tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai được đảm bảo bằng các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng thửa đất số: 642, tờ bản đồ số: 3, tọa lạc tại: Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00186/QĐ 1398 do Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/10/2010 cho ông Dương Văn K.

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 81387/HĐTC-BĐS/TCB ngày 26/11/2010, đã được công chứng tại Phòng Công chứng Số 1, tỉnh Đồng Nai và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử

dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai ngày 29/11/2010).

+ Xe ô tô TOYOTA biển số: 56N-2494, Giấy đăng ký xe ô tô số: 126541 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2009 cho Công ty Cổ phần X.

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 81381/HĐTC-BDS/TCB ngày 26/11/2010, đã được công chứng tại Phòng Công chứng Số 4, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 27/11/2010).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty Cổ phần X tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận.

Ngày 02/7/2012, T đã nộp Đơn khởi kiện Công ty Cổ phần X (Gọi tắt là Công ty) đề nghị Tòa án:

Buộc Công ty thanh toán cho T số tiền (tính đến ngày 28/6/2012) gồm: Nợ gốc: 1.707.936.333 đồng; Nợ lãi: 326.057.781 đồng; Tổng nợ: 2.033.994.114 đ (Hai tỉ không trăm ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm mười bốn đồng).

Buộc Công ty thanh toán phần nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010, kể từ ngày 29/6/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp sau 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay trên để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng thửa đất số: 642, tờ bản đồ số: 3, tọa lạc tại: Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00186/QĐ 1398 do Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/10/2010 cho ông Dương Văn K.

+ Xe ô tô TOYOTA biển số: 56N-2494 theo Giấy đăng ký xe ô tô số: 126541 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2009 cho Công ty.

Tuy nhiên, năm 2015 T đã tiến hành xử lý 02 tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được T thu vào nợ gốc khoản vay, cụ thể như sau:

- Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số: 642, tờ bản đồ số: 3 tại: Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai: Số tiền thu được là: 431.000.000 đồng; Chi phí phát sinh trong quá trình xử lý là:

21.990.000 đồng; Số tiền thu vào nợ gốc là: 409.010.000 đồng.

- Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô TOYOTA mang biển số: 56N-2494: Số tiền thu được là: 873.100.000 đồng; Chi phí phát sinh trong quá trình xử lý là: 128.803.512 đồng; Số tiền thu vào nợ gốc là: 744.296.488 đồng.

Ngày 18/5/2017, T có Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện nộp tại Tòa án. Theo đó, T đã rút yêu cầu về việc phát mãi các tài sản thế chấp và một phần nợ gốc là 1.152.311.914 đ (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm mười bốn đồng).

Như vậy, tính đến ngày 02/12/2021, dư nợ của Công ty cụ thể như sau: Nợ gốc: 555.624.419 đồng; Nợ lãi trong hạn: 332.725.247 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.548.291.422 đồng; Tổng nợ: 3.436.641.088 đ (Ba tỉ bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, T đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Buộc Công ty thanh toán ngay cho T toàn bộ số tiền 3.436.641.088 đ (Ba tỉ bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

+ Buộc Công ty thanh toán phần nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010, kể từ ngày 03/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**** Người đại diện hợp pháp của Bị đơn- Ông Nguyễn Trường G trình bày tại bản khai ngày 08/8/2017 như sau (tóm tắt):***

Ngày 23/11/2010, Công ty Cổ phần X- Chi nhánh tại Gia Lai và Ngân hàng K có ký Hợp đồng tín dụng số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-BĐS về việc vay vốn mua bất động sản làm văn phòng Công ty với tài sản thế chấp là xe ô tô biển số: 56N-2494 và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 642, tờ bản đồ 3 tại: Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết và Ngân hàng đã thực hiện việc thu hồi các tài sản bảo đảm gồm: Xe ô tô biển số: 56N-2494 và quyền sử dụng đất nói trên.

Tuy nhiên, việc kê biên, định giá và phát mãi các tài sản thế chấp được Ngân hàng đơn phương thực hiện mà không có sự tham gia của đại diện Công ty Cổ phần X (Không thực hiện đúng quy định thu hồi và phát mãi tài sản). Do vậy Công ty Cổ phần X yêu cầu Ngân hàng không thu và xóa nợ đối với Công ty Cổ phần X.

**** Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông Dương Văn K và bà Đào Thị Hồng T:***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các

văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông K, bà T từ chối nhận và cho rằng không còn liên quan, không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

+ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Nguyên đơn đã rút (rút yêu cầu về việc phát mãi các tài sản thế chấp và một phần nợ gốc là 1.152.311.914 đ (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm mười bốn đồng))...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

[1.1] Ngày 23/11/2010, Ngân hàng K (Gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần X- Chi nhánh tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010. Do bên vay không thanh toán đúng số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Công ty Cổ phần X (Gọi tắt là Công ty) là Bị đơn, có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1.2] Công ty và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] *Về pháp luật nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 555.624.419 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 23/11/2010, Ngân hàng và Công ty Cổ phần X- Chi nhánh tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.900.000.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi được giải ngân, bên vay không thanh toán tiền đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên, năm 2015 Ngân hàng đã tiến hành xử lý hai tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được Ngân hàng thu vào nợ gốc khoản vay sau khi trừ đi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thế chấp, cụ thể:

- Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số: 642, tờ bản đồ số: 3 tại ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, số tiền thu vào nợ gốc là: 409.010.000 đồng.

- Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô TOYOTA biển số: 56N-2494: Số tiền thu vào nợ gốc là: 744.296.488 đồng.

Việc xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 81387/HĐTC-BĐS/TCB ngày 26/11/2010 và số: 81381/HĐTC-BĐS/TCB ngày 26/11/2021.

Như vậy số tiền gốc Công ty còn nợ Ngân hàng là 555.624.419 đồng.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty, nhưng Công ty không đến Tòa để tiếp tục giải quyết vụ án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ; do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi Công ty trả số tiền nợ gốc 555.624.419 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 1997 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Trong vụ án này, Công ty không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông K, bà T không có yêu cầu độc lập nên Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của Nguyên đơn.

[2.3]. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng có Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện nộp tại Tòa án. Theo đó, Ngân hàng đã rút yêu cầu về việc phát mãi các tài sản thế chấp và một phần nợ gốc là 1.152.311.914 đ (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm mười bốn đồng).

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện nên cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 02/12/2021 là: 2.881.016.669 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010, kể từ ngày 03/12/2021 cho đến khi Công ty thanh toán xong khoản nợ.

Theo trình bày của Ngân hàng, do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/6/2012, Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 51, 54, 56 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 1997 và thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng. Do đó yêu cầu trên của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54 và Điều 56 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 1997;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần X phải trả ngay cho Ngân hàng K toàn bộ nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010 tính đến ngày 02/12/2021 là 3.436.641.088 đ (Ba tỉ bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm tám mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc: 555.624.419 đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm mười chín đồng), lãi trong hạn: 332.725.247 đ (Ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 2.548.291.422 đ (Hai tỉ năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 03/12/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 81465/HĐTD/TH-PN/TCB-ĐSG ngày 23/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 81465 ngày 30/11/2010 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng K về việc không yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp và không yêu cầu Công ty Cổ phần X phải trả một phần nợ gốc là 1.152.311.914 đ (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm mười bốn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.732.822 đ (Một trăm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng K 36.339.941 đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AD/2011/05759 ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh